Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 43

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5901046432, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp và năm (5) công ty con gián tiếp.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	
Bà Hà Kiết Trân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2026

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mơ	Trưởng Ban
Bà Lê Trương Y Trâm	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Lâm	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 5901046432 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI TỈNH GIA LAI

Võ Thị Mỹ Hạnh

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 13874542/70078033/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được lập vào ngày 28 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300511802 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2026-004-1

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ *(được trình bày lại)*
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**5.321.639.489**	**4.761.897.997**
I. Tiền và khoản tương đương tiền	***110***	***4***	***38.421.752***	***2.870.177***
1. Tiền	111		8.421.752	2.870.177
2. Khoản tương đương tiền	112		30.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***		***2.474.456.273***	***1.809.696.182***
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5	2.474.456.273	1.809.696.182
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	***130***		**2.702.508.280**	**2.818.923.107**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.149.413.384	417.750.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	570.183.329	273.032.186
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	982.911.567	2.128.140.555
III. Hàng tồn kho	***140***	***9***	***68.459.694***	***112.099.302***
1. Hàng tồn kho	141		68.459.694	112.099.302
IV. Tài sản ngắn hạn khác	***160***		***37.793.490***	***18.309.229***
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		146.031	288.277
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	14	37.634.240	18.016.571
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	14	13.219	4.381
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.161.646.224**	**1.980.713.590**
I. Tài sản cố định	***220***		***42.312.166***	***44.952.203***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	42.312.166	44.952.203
Nguyên giá	222		67.288.023	67.288.023
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(24.975.857)	(22.335.820)
II. Tài sản dở dang dài hạn	***250***		***115.704***	**-**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		115.704	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	***260***	***11***	***2.116.181.901***	***1.932.507.000***
1. Đầu tư vào công ty con	261		1.617.266.000	1.617.266.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		316.391.000	316.391.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(1.150.000)	(1.150.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		183.674.901	-
IV. Tài sản dài hạn khác	***270***		***3.036.453***	***3.254.387***
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		3.036.453	3.254.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**7.483.285.713**	**6.742.611.587**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**5.558.439.038**	**5.273.576.507**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***3.672.845.338***	***2.784.428.798***
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	454.846.528	542.774.554
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	806.143.093	103.478.410
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.536.302	6.138
4. Phải trả người lao động	315		799.124	751.026
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	15	31.521.259	28.724.391
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	16	178.029.439	118.026.220
7. Vay ngắn hạn	321	17	2.198.969.593	1.990.668.059
II. Nợ dài hạn	***330***		***1.885.593.700***	***2.489.147.709***
1. Chi phí phải trả dài hạn	334	15	64.889.878	50.706.125
2. Phải trả dài hạn khác	338	16	206.821.754	1.038.773.927
3. Vay dài hạn	339	17	1.613.882.068	1.399.667.657
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**18.1**	**1.924.846.675**	**1.469.035.080**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.685.000.000	1.685.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.685.000.000*	*1.685.000.000*
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	420		239.846.675	(215.964.920)
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*(215.964.920)*	*(410.192.808)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*420b*		*455.811.595*	*194.227.888*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**7.483.285.713**	**6.742.611.587**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Trần Bửu Kiều	Nguyễn Đình Tỉnh	Võ Thị Mỹ Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("Kỳ này")	Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19.1	845.167.460	282.192.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19.1	13.142.648	4.903.354
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19.1	832.024.812	277.289.337
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	673.818.555	243.487.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		158.206.257	33.801.850
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	19.2	603.790.227	52.561.799
7. Chi phí tài chính	23	21	165.488.535	36.027.419
Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*165.053.713*	*35.376.970*
8. Chi phí bán hàng	25	22	121.615.397	35.839.485
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	5.869.463	(182.601.583)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		469.023.089	197.098.328
11. Thu nhập khác	31	23	390.427	282.112
12. Chi phí khác	32	23	5.951.165	3.152.552
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40	23	(5.560.738)	(2.870.440)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		463.462.351	194.227.888
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25.1	7.650.756	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		455.811.595	194.227.888

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Trần Bửu Kiều	Nguyễn Đình Tình	Võ Thị Mỹ Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("Kỳ này")	Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**463.462.351**	**194.227.888**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	02	10	2.640.037	642.009
- Hoàn nhập dự phòng	03		-	(183.538.764)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(17.418.848)	(4.870.550)
- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(585.701.015)	(41.654.166)
- Chi phí đi vay	06	21	165.053.713	35.376.970
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**28.036.238**	**183.387**
- Tăng các khoản phải thu	09		(148.745.861)	(116.865.567)
- Giảm (tăng) hàng tồn kho	10		43.639.608	(11.383.863)
- (Giảm) tăng các khoản phải trả	11		(161.239.097)	393.953.690
- Giảm (tăng) chi phí chờ phân bổ	12		360.180	(2.397.160)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(144.515.602)	(26.455.524)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(5.210.559)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(387.675.093)**	**237.034.963**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(115.704)	-
2. Tiền thu hồi cho vay	24		-	979.112.583
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.344.469.500)
4. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27		12.538	657.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(103.166)**	**(364.699.034)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Ngàn VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	17	3.404.045.650	226.311.046
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(2.980.715.816)	(215.973.613)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**423.329.834**	**10.337.433**
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**35.551.575**	**(117.326.638)**
Tiền đầu kỳ	**60**	**4**	**2.870.177**	**120.196.815**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	**70**	**4**	**38.421.752**	**2.870.177**

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Trần Bửu Kiều	Nguyễn Đình Tình	Võ Thị Mỹ Hạnh

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5901046432, do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp và năm (5) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Tên công ty	*Trụ sở*	*Tình trạng hoạt động*	*Số đầu kỳ và số cuối kỳ*	
			Tỷ lệ biểu quyết	*Tỷ lệ sở hữu*
			(%)	*(%)*
Công ty con				
(1) Agricultural Development Daithang Sole Co., Ltd.	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(2) Khan Xay Agriculture Development Co., Ltd.	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(3) High Technology Agriculture Bolaven Co., Ltd.	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	100,00
(4) Souk Houng Heang Agricultural Development Sole Co., Ltd.	Champasak, Lào	Trước hoạt động *(i)*	100,00	100,00
(5) Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	99,00
(6) Sanamxay Agriculture and Forestry Development Co., Ltd.	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	90,32	90,32
(7) Saysettha Agriculture and Forestry Development Sole Co., Ltd.	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	90,32	90,32

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là kinh doanh cây ăn trái, vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; và dịch vụ nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 49 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 38).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày trong *Thuyết minh ("TM") số 1* và *Thuyết minh số 11.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ báo cáo*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai) đã chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần. Vì vậy, theo quy định hiện hành về việc lập và trình bày báo cáo tài chính khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, kỳ kế toán đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Thông tin so sánh

Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần vào ngày 18 tháng 11 năm 2025 theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp.

Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 (là ngày đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Theo đó, dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại do khác biệt về kỳ báo cáo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99").

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99, thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty áp dụng một số thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại *TM số 27*.

3.2 Tiền và khoản tương đương tiền

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng tồn kho theo từng lần phát sinh. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích lập dự phòng (% giá trị khoản phải thu)*
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị quản lý	5 - 24 năm

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích.

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo phương pháp đường thẳng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- Các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.13 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phần phổ thông

Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện, trừ đi các khoản giảm giá, chiết khấu và các khoản thuế không hoàn lại.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.24 Ước tính kế toán trọng yếu (tiếp theo)

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngàn VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	2.753	32.462
Tiền gửi không kỳ hạn	8.418.999	2.837.715
- *Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Bảo Việt*	*4.529.926*	*15.923*
- *Ngân hàng TMCP Phương Đông ("OCB")*	*3.238.059*	*820.229*
- *Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc*	*165.921*	*1.021.955*
- *Ngân hàng TMCP Quân đội*	*61.288*	*390.827*
- *Các khoản tiền gửi không kỳ hạn khác*	*423.805*	*588.781*
Khoản tương đương tiền *(*)*	30.000.000	-
TỔNG CỘNG	**38.421.752**	**2.870.177**

(*) Khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh TTKD Hội sở có thời hạn gốc dưới ba tháng, và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ (được trình bày lại)*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
Cho vay *(*)*	1.144.382.055	1.144.382.055	543.173.022	543.173.022
- *Agricultural Development Daithang Sole Co., Ltd.*	*1.135.169.688*	*1.135.169.688*	*16.692.897*	*16.692.897*
- *Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai*	-	-	*526.465.925*	*526.465.925*
- *Các bên khác*	*9.212.367*	*9.212.367*	*14.200*	*14.200*
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HTKD") *(**)*	1.178.000.000	1.178.000.000	1.178.000.000	1.178.000.000
Phải thu lãi từ Hợp đồng HTKD	107.099.658	107.099.658	39.921.384	39.921.384
Lãi cho vay	44.974.560	44.974.560	48.601.776	48.601.776
- *Agricultural Development Daithang Sole Co., Ltd.*	*44.559.621*	*44.559.621*	*1.647.976*	*1.647.976*
- *Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai*	-	-	*46.887.019*	*46.887.019*
- *Các bên khác*	*414.939*	*414.939*	*66.781*	*66.781*
TỔNG CỘNG	**2.474.456.273**	**2.474.456.273**	**1.809.696.182**	**1.809.696.182**
Trong đó:				
Các bên liên quan (TM số 26)	*2.474.375.292*	*2.474.375.292*	*1.809.615.201*	*1.809.615.201*
Các bên khác	*80.981*	*80.981*	*80.981*	*80.981*

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Số cuối kỳ chủ yếu trình bày các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp có thời hạn hoàn trả trong năm 2027 và hưởng lãi suất áp dụng.

(**) Đây là khoản góp vốn theo các Hợp đồng HTKD có thời hạn 1 năm và được đảm bảo bởi cổ đông của công ty mẹ, nhằm phát triển dự án trồng cà phê Arabica và dâu tằm tại tỉnh Gia Lai, Việt Nam, các tỉnh Champasak, và tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các công ty với chi tiết như sau:

- Hợp đồng HTKD số 02/2025/HĐHTKD/HTL-GSLP ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai *(trước đây là Công ty Cổ phần Gia Súc Lơ Pang)*, bên liên quan, với giá trị là 326.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 500 hecta cà phê Arabica tại Xã Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.
- Hợp đồng HTKD số 01/2025/HĐHTKD/HTL-CNGL ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai, bên liên quan, với giá trị là 295.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 200 hecta cà phê Arabica và 300 hecta dâu tằm tại Xã Mang Yang và Xã Đăk Pơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.
- Hợp đồng HTKD số 03/2025/HĐHTKD/HTL-BLV ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Thủy Sản Cá Tầm Bolaven, bên liên quan, với giá trị là 180.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 350 hecta cà phê Arabica tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Laos. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.
- Hợp đồng HTKD số 04/2025/HĐHTKD/HTL-NNPQ ngày 24 tháng 7 năm 2025 với Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai, công ty con, với giá trị là 377.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án trồng 600 hecta dâu tằm tại Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Laos. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lãi sẽ được thanh toán một lần cùng thời điểm hoàn trả số tiền góp vốn quy định.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Phải thu các bên liên quan *(TM số 26)*	1.086.002.223	-	318.521.826	-
Phải thu các bên khác	63.411.161	-	99.228.540	-
- *Công ty Cổ phần Cá nước ngọt Gia Lai*	*39.552.860*	-	*33.150.947*	-
- *Agro Ridge Partners Pte Ltd*	*18.040.902*	-	*2.170.929*	-
- *Khác*	*5.817.399*	-	*63.906.664*	-
TỔNG CỘNG	**1.149.413.384**	**-**	**417.750.366**	**-**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Số đầu kỳ	-	183.538.764
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(183.538.764)
Số cuối kỳ	-	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Trả trước cho các bên liên quan *(TM số 26)*	546.894.889	257.680.881
Trả trước cho các bên khác	23.288.440	15.351.305
- *Công ty Cổ phần Nông nghiệp Đăk Ram*	*10.879.105*	-
- *Công ty TNHH Cơ khí ST*	*6.560.241*	*3.803.223*
- *Khác*	*5.849.094*	*11.548.082*
TỔNG CỘNG	**570.183.329**	**273.032.186**

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ (được trình bày lại)*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Phải thu cổ tức từ bên liên quan	696.940.000	-	246.940.000	-
Cấn trừ công nợ	282.351.023	-	1.880.108.846	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.620.544	-	1.091.709	-
TỔNG CỘNG	**982.911.567**	**-**	**2.128.140.555**	**-**
Trong đó:				
Các bên liên quan (TM số 26)	*976.843.037*	-	*2.123.300.862*	-
Các bên khác	*6.068.530*	-	*4.839.693*	-

9. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Hàng hóa	67.563.629	-	111.123.275	-
Nguyên vật liệu	896.065	-	976.027	-
TỔNG CỘNG	**68.459.694**	**-**	**112.099.302**	**-**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa. vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị quản lý*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	36.122.524	29.898.591	1.159.075	107.833	67.288.023
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	363.382	442.422	296.267	71.832	1.173.903
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu kỳ	(10.574.553)	(10.776.526)	(900.909)	(83.832)	(22.335.820)
Khấu hao trong kỳ	(1.258.480)	(1.292.884)	(85.073)	(3.600)	(2.640.037)
Số cuối kỳ	(11.833.033)	(12.069.410)	(985.982)	(87.432)	(24.975.857)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	25.547.971	19.122.065	258.166	24.001	44.952.203
Số cuối kỳ	24.289.491	17.829.181	173.093	20.401	42.312.166

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Đầu tư vào công ty con *(TM số 11.1)*	1.617.266.000	1.617.266.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(TM số 11.2)*	316.391.000	316.391.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn *(TM số 26)*	183.674.901	-
TỔNG CỘNG	**2.117.331.901**	**1.933.657.000**
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	(1.150.000)	(1.150.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.116.181.901**	**1.932.507.000**

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối kỳ*			*Số đầu kỳ*		
		Tỷ lệ sở hữu %	*Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)*	*Dự phòng (Ngàn VND)*	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)*	*Dự phòng (Ngàn VND)*
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai	Nông nghiệp	99,00	1.344.469.500	-	99,00	1.344.469.500	-
Agricultural Development Daithang Sole Co., Ltd.	Nông nghiệp	100,00	272.796.500	-	100,00	272.796.500	-
TỔNG CỘNG			**1.617.266.000**	**-**		**1.617.266.000**	**-**

11.2 Đầu tư vào các đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối kỳ*			*Số đầu kỳ*		
		Tỷ lệ sở hữu %	*Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)*	*Dự phòng (Ngàn VND)*	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)*	*Dự phòng (Ngàn VND)*
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai *(trước đây là Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang)*	Nông nghiệp	3,76	226.480.000	-	3,76	226.480.000	-
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me") *(*)*	Nông nghiệp	2,26	88.761.000	-	2,26	88.761.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai	Kinh doanh và dịch vụ	1,00	1.150.000	(1.150.000)	1,00	1.150.000	(1.150.000)
TỔNG CỘNG			**316.391.000**	**(1.150.000)**		**316.391.000**	**(1.150.000)**

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào các đơn vị khác (tiếp theo)

(*) Cổ phần của Lê Me thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đồng đảm bảo cho khoản vay của Công ty *(TM số 17.1)*, các khoản vay của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên tại OCB.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho các bên khác	409.448.865	409.448.865	509.243.615	509.243.615
- *Công ty Cổ phần Thương Mại Đầu tư Phát triển Do Holdings*	*344.839.158*	*344.839.158*	*369.839.158*	*369.839.158*
- *Phải trả các bên khác*	*64.609.707*	*64.609.707*	*139.404.457*	*139.404.457*
Phải trả cho các bên liên quan *(TM số 26)*	45.397.663	45.397.663	33.530.939	33.530.939
TỔNG CỘNG	**454.846.528**	**454.846.528**	**542.774.554**	**542.774.554**

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Nhận ứng trước từ bên liên liên quan *(TM số 26)*	798.589.996	96.055.527
Nhận ứng trước từ các bên khác	7.553.097	7.422.883
- *Dalian Zhenhao International Trade Co., Ltd*	*2.268.770*	*960.213*
- *Zhengzhou Taiwang Food Company Limited*	*2.233.325*	*2.233.325*
- *Khác*	*3.051.002*	*4.229.345*
TỔNG CỘNG	**806.143.093**	**103.478.410**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

	Số đầu kỳ	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	18.016.571	123.369.957	(103.752.288)	37.634.240
Khác	4.381	1.748.439	(1.739.601)	13.219
TỔNG CỘNG	**18.020.952**	**125.118.396**	**(105.491.889)**	**37.647.459**
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	104.383.854	(104.383.854)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.650.756	(5.210.559)	2.440.197
Thuế thu nhập cá nhân	6.138	572.770	(482.803)	96.105
Các loại thuế khác	-	1.910.329	(1.910.329)	-
TỔNG CỘNG	**6.138**	**114.517.709**	**(111.987.545)**	**2.536.302**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	27.580.660	26.121.696
Chi phí hoạt động	3.940.599	2.602.695
	31.521.259	**28.724.391**
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	64.889.878	50.706.125
TỔNG CỘNG	**96.411.137**	**79.430.516**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (TM số 26)	*76.344.001*	*58.584.034*
- Ngắn hạn	*12.053.018*	*10.590.800*
- Dài hạn	*64.290.983*	*47.993.234*
Phải trả các bên khác	*20.067.136*	*20.846.482*

16. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn		
Cấn trừ công nợ	170.753.763	110.366.486
Phải trả ngắn hạn khác	7.275.676	7.659.734
	178.029.439	**118.026.220**
Dài hạn		
Cấn trừ công nợ	206.821.754	1.038.773.927
TỔNG CỘNG	**384.851.193**	**1.156.800.147**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (TM số 26)	*375.375.097*	*1.116.549.992*
- Ngắn hạn	*170.753.763*	*110.366.486*
- Dài hạn	*204.621.334*	*1.006.183.506*
Phải trả các bên khác	*9.476.096*	*40.250.155*

17. VAY

Ngàn VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn từ ngân hàng *(TM số 17.1)*	2.169.548.491	1.961.246.957
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả *(TM số 17.2 và 26)*	29.421.102	29.421.102
	2.198.969.593	**1.990.668.059**
Dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước *(TM số 17.4)*	986.518.334	987.332.223
Vay các bên liên quan *(TM số 17.2 và 26)*	619.428.300	400.000.000
Vay đơn vị khác *(TM số 17.3)*	7.935.434	12.335.434
	1.613.882.068	**1.399.667.657**
TỔNG CỘNG	**3.812.851.661**	**3.390.335.716**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) các khoản vay trong kỳ như sau:

Ngàn VND

	Ngắn hạn	*Dài hạn*	*Tổng cộng*
Số đầu kỳ	1.990.668.059	1.399.667.657	3.390.335.716
Vay trong kỳ	3.144.217.350	259.828.300	3.404.045.650
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(5.260.000)	(5.260.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	4.446.111	4.446.111
Trả nợ gốc vay	(2.935.915.816)	(44.800.000)	(2.980.715.816)
Số cuối kỳ	2.198.969.593	1.613.882.068	3.812.851.661

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngàn VND

Ngân hàng	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Ngân hàng TMCP Phương Đông - TTKD Hội sở	1.699.998.491	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	469.550.000	461.250.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	-	1.299.997.357
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai	-	199.999.600
TỔNG CỘNG	**2.169.548.491**	**1.961.246.957**

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng TMCP Phương Đông - TTKD Hội sở				
Khoản vay 1	1.699.998.491	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2026 đến ngày 11 tháng 12 năm 2026	8,8 - 11,0	140.080.000 cổ phần Công ty thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), công ty mẹ; 5.785.000 cổ phần Công ty thuộc sở hữu của bà Lê Thị Liễu; 5.785.000 cổ phần Công ty thuộc sở hữu của ông Trần Quang Dũng; 345.032.600 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của HAG; 30.323.900 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; 8.876.100 cổ phần Công ty Cổ phần Lê Me thuộc sở hữu của Công ty; Quyền sở hữu và khai thác vườn dâu tằm, vườn chuối, vườn sầu riêng của Khan Xay Agriculture Development Co., Ltd. tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào; Quyền sở hữu và khai thác vườn sầu riêng và vườn cà phê của Bolaven Sturgeon Aquaculture Joint Stock Company tại Bản Phanuandong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào; Quyền sở hữu và khai thác vườn sầu riêng của Souk Houng Heang Agricultural Development Sole Co., Ltd. tại Bản Phanuandong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào; Quyền sở hữu và khai thác vườn mắc ca và cà phê của High Technology Agriculture Bolaven Co., Ltd. tại Bản Houaykong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào.

17. VAY (tiếp theo)

17.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội				
Khoản vay 1	469.550.000	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2026 đến ngày 20 tháng 11 năm 2026	10,45 - 10,95	Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ("GCNQSDĐ") số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo GCNQSDĐ số BY 440735 và công trình nông nghiệp theo GCN số DD 782896, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai; Tài sản gắn liền với đất theo Giấy phép sử dụng đất nhà nước ("GPSDĐNN") số 889/TNMT thuộc sở hữu của Khan Xay Agriculture Development Co., Ltd.; Tài sản gắn liền với đất theo GPSDĐNN số 104/TNMT thuộc sở hữu của Hoan Thinh Attapeu Agriculture Development Sole Member Co., Ltd.; Tài sản gắn liền với đất là vườn cây theo các GCNQSDĐ số BY 440736 và BY 440744, và công trình nông nghiệp theo GCNQSDĐ số DD 782897 và DD 782898 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Tài sản gắn liền với đất theo GPSDĐNN số 483/STNMT và 0097/TNMT thuộc sở hữu của Khan Xay Agriculture Development Co., Ltd.; Thư bảo lãnh của ông Đoàn Nguyên Đức ngày 13/07/2023.

17. VAY (tiếp theo)

17.2 *Vay dài hạn từ bên liên quan*

Khoản vay dài hạn từ bên liên quan chủ yếu cho mục đích hỗ trợ vốn lưu động cho Công ty:

Bên liên quan	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	400.000.000	Ngày 24 tháng 4 năm 2029	7,675	Tín chấp
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	219.428.300	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2029 đến ngày 26 tháng 6 năm 2029	7,675	Tín chấp
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	29.421.102	Ngày 16 tháng 10 năm 2026	10,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**648.849.402**			
Trong đó:				
Vay dài hạn	*619.428.300*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*29.421.102*			

17.3 *Vay dài hạn từ các công ty khác*

Khoản vay dài hạn từ công ty khác chủ yếu cho mục đích hỗ trợ vốn lưu động cho Công ty:

Đối tượng	*Số tiền (Ngàn VND)*	*Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản thế chấp*
Công ty Cổ phần Tổng hợp PC	7.935.434	Ngày 31 tháng 12 năm 2027	7,95	Tín chấp

17. VAY (tiếp theo)

17.4 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của trái phiếu này được trình bày như sau:

Ngàn VND

Tổ chức thu xếp phát hành	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS ("OCBS") *(i)*	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(21.640.000)	(16.380.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	8.158.334	3.712.223
TỔNG CỘNG	**986.518.334**	**987.332.223**
Trong đó:		
Vay dài hạn trái phiếu	*986.518.334*	*987.332.223*

(i) Vào ngày 8 tháng 8 năm 2025, Công ty đã phát hành 10.000 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 1.000 tỷ VND (mệnh giá 100 triệu đồng/ trái phiếu).

Các trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất cố định 10,5%/năm và được mua lại một lần vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để phát triển các dự án trồng trọt cà phê Arabica và dâu tằm ở Gia Lai, Việt Nam và ở Champasak, Attapeu, Lào.

Trái phiếu được đảm bảo bằng bảo lãnh thanh toán của OCB - Chi nhánh Đắk Lắk theo quy định tại Thư bảo lãnh thanh toán số BL 0052292 ("Thư bảo lãnh") và theo quy định của pháp luật. Thông tin chi tiết về bảo lãnh thanh toán:

- Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi, lãi phạt (nếu có) và các nghĩa vụ thanh toán khác liên quan đến Trái phiếu được bảo lãnh theo Thư bảo lãnh do OCB - Chi nhánh Đắk Lắk phát hành. Theo đó, số tiền bảo lãnh được cam kết thanh toán cho tất cả các Bên Nhận Bảo Lãnh theo Thư bảo lãnh tối đa không vượt quá 1.040.000.000.000 VND.
- OCB - Chi nhánh Đắk Lắk cam kết không hủy ngang rằng nếu Công ty không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ bất kỳ nghĩa vụ được bảo đảm bằng Bảo lãnh nào khi đến hạn theo quy định tại các điều kiện và điều khoản của trái phiếu, thì OCB - Chi nhánh Đắk Lắk sẽ thanh toán đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm bằng Bảo lãnh đó cho Công ty.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu*

Ngàn VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	*(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Số đầu kỳ	1.685.000.000	(410.192.808)	1.274.807.192
Lợi nhuận trong kỳ	-	194.227.888	194.227.888
Số cuối kỳ	1.685.000.000	(215.964.920)	1.469.035.080
Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026			
Số đầu kỳ	1.685.000.000	(215.964.920)	1.469.035.080
Lợi nhuận trong kỳ	-	455.811.595	455.811.595
Số cuối kỳ	1.685.000.000	239.846.675	1.924.846.675

18.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị cổ phần (Ngàn VND)	*% sở hữu*	*Giá trị cổ phần (Ngàn VND)*	*% sở hữu*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	1.422.513.660	84,43	1.569.300.000	93,14
Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS	72.000.000	4,27	-	-
Ông Trần Quang Dũng	57.850.000	3,43	57.850.000	3,43
Bà Lê Thị Liễu	57.850.000	3,43	57.850.000	3,43
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	42.735.040	2,54	-	-
Ông Phạm Ngọc Sinh	32.051.300	1,90	-	-
TỔNG CỘNG	**1.685.000.000**	**100,00**	**1.685.000.000**	**100,00**

18.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phần	
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	168.500.000	168.500.000
Cổ phiếu phổ thông	*168.500.000*	*168.500.000*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*168.500.000*	*168.500.000*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19. DOANH THU

19.1 *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("Kỳ này")	*Cho kỳ kế toán từ ngày 18 tháng 11 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("Kỳ trước")*
Tổng doanh thu	**845.167.460**	**282.192.691**
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	*484.476.403*	*100.005.479*
Doanh thu bán hàng hóa	*309.203.564*	*159.961.949*
Doanh thu khác	*51.487.493*	*22.225.263*
Khoản giảm trừ doanh thu	**(13.142.648)**	**(4.903.354)**
Giảm giá hàng bán	*(13.142.648)*	*(4.903.354)*
Doanh thu thuần	**832.024.812**	**277.289.337**
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	*471.333.755*	*95.102.125*
Doanh thu bán hàng hóa	*309.203.564*	*159.961.949*
Doanh thu khác	*51.487.493*	*22.225.263*
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 26)	*306.151.194*	*144.600.670*
Doanh thu từ các bên khác	*525.873.618*	*132.688.667*

19.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Cổ tức được chia	450.000.000	-
Lãi cho vay	68.510.203	25.320.024
Lãi từ Hợp đồng HTKD	67.178.274	16.330.630
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.089.212	10.907.634
Khác	12.538	3.511
TỔNG CỘNG	**603.790.227**	**52.561.799**
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan (TM số 26)	*585.688.477*	*39.263.345*
Doanh thu từ bên thứ ba	*18.101.750*	*13.298.454*

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Giá vốn trái cây đã bán	364.944.558	66.833.188
Giá vốn hàng hóa đã bán	261.775.818	151.981.298
Giá vốn khác	47.098.179	24.673.001
TỔNG CỘNG	**673.818.555**	**243.487.487**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí lãi vay	163.791.258	35.376.970
Phí cam kết cấp tín dụng	1.262.455	559.662
Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái	434.822	90.787
TỔNG CỘNG	**165.488.535**	**36.027.419**

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí bán hàng	**121.615.397**	**35.839.485**
Chi phí vận chuyển	64.094.180	12.491.623
Chi phí dụng cụ bán hàng	26.405.697	12.170.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.742.199	9.871.911
Chi phí nhân viên	2.724.814	658.672
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.108.052	514.923
Chi phí bán hàng khác	540.455	132.006
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	**5.869.463**	**937.181**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.384.381	270.784
Chi phí nhân viên	2.373.428	564.020
Chi phí khác	111.654	102.377
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(183.538.764)
	5.869.463	**(182.601.583)**
TỔNG CỘNG	**127.484.860**	**(146.762.098)**

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Thu nhập khác		
Hàng được tặng	390.427	-
Khác	-	282.112
	390.427	**282.112**
Chi phí khác		
Hủy hàng tồn kho hết hạn	2.394.099	-
Các khoản phạt	1.239.805	8.931
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	-	144.646
Khác	2.317.261	2.998.975
	5.951.165	**3.152.552**
LỖ KHÁC THUẦN	**(5.560.738)**	**(2.870.440)**

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí hàng hóa	654.201.029	243.359.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.680.166	34.804.668
Chi phí nhân viên	5.098.242	1.222.692
Chi phí khấu hao *(TM số 10)*	2.640.037	642.009
Hoàn nhập chi phí dự phòng *(TM số 22)*	-	(183.538.764)
Khác	683.941	235.282
TỔNG CỘNG	**801.303.415**	**96.725.389**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Thuế TNDN kỳ này	2.440.197	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	5.210.559	-
TỔNG CỘNG	**7.650.756**	**-**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 *Chi phí thuế TNDN hiện hành* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Ngàn VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**463.462.351**	**194.227.888**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	92.692.470	38.845.578
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):		
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	(850.923)	(2.407.748)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	5.210.559	-
Chi phí không được trừ	598.650	600.853
Thu nhập không chịu thuế	(90.000.000)	-
Chi phí lãi vay chưa được trừ năm trước chuyển sang	-	(12.743.228)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(24.295.455)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**7.650.756**	**-**

25.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

25.3 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá năm (5) năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Ngàn VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (*)*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2026*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2026*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2026*
2021	2026	32.382.474	(32.382.474)	-	-
2022	2027	61.553.214	(38.777.725)	-	22.775.489
2025	2030	40.342.506	-	-	40.342.506
		134.278.194	**(71.160.199)**	**-**	**63.117.995**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định* (tiếp theo)

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ này và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	Công ty mẹ
Agricultural Development Daithang Sole Co., Ltd. ("Đại Thắng")	Công ty con trực tiếp
Souk Houng Heang Agricultural Development Sole Co., Ltd. ("Souk Houng")	Công ty con gián tiếp *(từ ngày 1 tháng 6 năm 2025)*
Khan Xay Agriculture Development Co., Ltd. ("Khăn Xay")	Công ty con gián tiếp
High Technology Agriculture Bolaven Co., Ltd. ("Bolaven")	Công ty con gián tiếp
Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Nguyên vật liệu")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Cơ khí")	Chi nhánh của công ty mẹ
Chi nhánh Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai ("Khách sạn HAGL")	Chi nhánh của công ty mẹ *(đến ngày 26 tháng 6 năm 2026)*
Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai ("Chi nhánh Chế biến Hoa quả")	Chi nhánh của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy sản Cá tầm Bolaven ("Thủy sản Cá tầm")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Sturgeon Bolaven Paksong Sole Co., Ltd. ("Cá tầm Paksong")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Mang Yang ("Mang Yang")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cà phê Hoàng Anh Gia Lai ("Cà phê HAGL") *(trước đây là Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang)*	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao LPBank HAGL")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Flour Manufacturing Co., Ltd. ("Bột Mì")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá ("Trà Bá")	Công ty trong cùng Tập đoàn

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ này và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Hoan Thinh Attapeu Agriculture Development Sole Member Co., Ltd. ("Hoàn Thịnh")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Đông Gia Lai ("Đông Gia Lai")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn *(đến ngày 1 tháng 1 năm 2026)*
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang ("Bao bì Linh Khang")	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT *(từ ngày 19 tháng 11 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Dâu Tằm tơ Hàm Rồng ("Hàm Rồng")	Công ty liên kết *(đến ngày 26 tháng 1 năm 2026)*
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Phú Quý Gia Lai ("Phú Quý")	Công ty con trực tiếp *(từ ngày 11 tháng 12 năm 2025)*
Sanamxay Agriculture and Forestry Development Co., Ltd. ("Sanamxay")	Công ty con gián tiếp *(từ ngày 11 tháng 12 năm 2025)*
Saysettha Agriculture and Forestry Development Sole Co., Ltd. ("Saysettha")	Công ty con gián tiếp *(từ ngày 11 tháng 12 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Đầu tư Dâu tằm tơ Hoàng Anh Gia Lai ("Dâu tằm tơ HAGL")	Công ty liên quan của Giám đốc công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT *(đến ngày 16 tháng 4 năm 2026)*
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT
Bà Hà Kiết Trân	Thành viên HĐQT *(từ ngày 16 tháng 4 năm 2026*
Bà Nguyễn Thị Mơ	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Trương Y Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Duy Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Giao dịch*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Nông nghiệp Tây Nguyên	Mua hàng	1.356.943.397	13.495.262
Cà phê HAGL	Cấn trừ công nợ	846.671.603	-
(trước đây là Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang)	Mua hàng	52.362.964	29.957.932
	Lãi từ HTKD	18.590.932	4.519.342
	Bán hàng	15.776.973	14.034.607
	Cung cấp dịch vụ	2.320.498	4.073.929

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Giao dịch*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Chăn nuôi Gia Lai	Cấn trừ công nợ	679.640.215	-
	Đi vay	259.428.300	-
	Mua hàng	119.104.297	42.377.292
	Trả gốc vay	40.000.000	-
	Bán hàng	28.413.432	52.572.080
	Lãi từ HTKD	16.823.082	4.089.589
	Chi phí lãi vay	1.073.914	-
	Cung cấp dịch vụ	-	4.240.890
	Lãi cho vay	-	570.389
HAG	Cấn trừ công nợ	42.101.000	854.031.470
	Mua hàng	15.600.000	-
	Chi phí lãi vay	15.223.836	3.709.822
	Bán hàng	734.109	77.040
	Cung cấp dịch vụ	423.531	130.515
	Mua dịch vụ	27.873	7.519
Phú Quý	Giảm khoản cho vay do cấn trừ	526.465.925	-
	Cấn trừ công nợ	323.494.678	-
	Lãi từ HTKD	21.499.329	5.226.356
	Lãi cho vay	19.057.345	11.695.239
	Chi phí lãi vay	1.458.964	354.665
	Chi hộ	-	57.850.000
Đại Thắng	Cổ tức được nhận	450.000.000	-
	Mua hàng	55.387.217	8.875.781
	Bán hàng	46.882.594	19.527.367
	Lãi cho vay	42.475.302	136.343
	Cung cấp dịch vụ	777.770	1.445.464
	Cấn trừ công nợ	575.606	1.101.279.488
Khăn Xay	Bán hàng	105.464.263	17.861.648
	Mua hàng	88.843.361	21.274.193
	Lãi cho vay	6.632.821	-
	Cung cấp dịch vụ	1.460.017	4.047.510
	Cấn trừ công nợ	784.450	174.274.643
Bột Mì	Bán hàng	64.598.213	17.104.910
	Cung cấp dịch vụ	6.746.635	1.603.372
	Mua hàng	1.132.618	-
	Cấn trừ công nợ	146.530	245.694.312
	Giảm khoản cho vay do cấn trừ	-	53.746.996
	Lãi cho vay	-	444.081
Bao bì Linh Khang	Mua hàng	45.477.474	-
Trà Bá	Bán hàng	19.128.306	4.337.290
	Mua hàng	15.207.382	-
	Cung cấp dịch vụ	2.600	8.000
	Cấn trừ công nợ	-	245.694.312

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Giao dịch*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Thủy sản	Lãi từ HTKD	10.264.932	2.495.342
Cá tầm	Bán hàng	320.252	74.735
Chi nhánh	Mua hàng	4.266.247	1.292.472
Cơ khí	Bán hàng	3.851.714	1.257.404
Souk Houng	Tăng cho vay từ cấn trừ	9.057.756	-
	Lãi cho vay	344.734	-
Dâu tằm tơ HAGL	Bán hàng	6.143.731	-
Cá tầm Paksong	Bán hàng	2.936.548	2.073.936
Mang Yang	Bán hàng	149.196	-
Thể thao	Bán hàng	20.812	129.973
LPBank HAGL	Giảm khoản cho vay do cấn trừ	-	12.682.272
	Lãi cho vay	-	117.337
Lê Me	Lãi cho vay	-	9.969.327

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Giao dịch*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ (được trình bày lại)*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn *(TM số 5)*			
Đại Thắng	Cho vay	1.135.169.688	16.692.897
	Lãi cho vay	44.559.621	1.647.976
Phú Quý	Phải thu từ HTKD	377.000.000	377.000.000
	Lãi từ HTKD	29.101.301	7.601.973
	Cho vay	-	526.465.925
	Lãi cho vay	-	46.887.020
Cà phê HAGL	Phải thu từ HTKD	326.000.000	326.000.000
	Lãi từ HTKD	32.336.425	13.745.493
Chăn nuôi Gia Lai	Phải thu từ HTKD	295.000.000	295.000.000
	Lãi từ HTKD	30.114.247	13.291.164
Thủy sản Cá tầm	Phải thu từ HTKD	180.000.000	180.000.000
	Lãi từ HTKD	15.547.685	5.282.753
Souk Houng	Cho vay	9.198.167	-
	Lãi cho vay	348.158	-
		2.474.375.292	**1.809.615.201**

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Giao dịch*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(TM số 6)*			
Cà phê HAGL	Bán hàng	360.048.892	-
Chăn nuôi Gia Lai	Bán hàng	260.136.951	100.579.591
Bột Mì	Bán hàng	236.370.543	169.954.262
Khăn Xay	Bán hàng	138.198.541	29.312.237
Đại Thắng	Bán hàng	64.033.998	14.396.460
Dâu tằm tơ HAGL	Bán hàng	20.085.445	-
Cá tầm Paksong	Bán hàng	6.498.376	3.482.691
Thủy sản Cá tầm	Bán hàng	446.493	109.437
Mang Yang	Bán hàng	161.131	-
Thể thao LPBank HAGL	Bán hàng	21.853	122.754
Hàm Rồng	Bán hàng	-	372.022
HAG	Bán hàng	-	192.372
		1.086.002.223	**318.521.826**
Trả trước cho người bán ngắn hạn *(TM số 7)*			
Khăn Xay	Ứng trước mua hàng	233.349.944	-
Trà Bá	Ứng trước mua hàng	141.896.275	137.043.498
Đại Thắng	Ứng trước mua hàng	128.769.102	9.130.609
Bột Mì	Ứng trước mua hàng	39.879.568	41.422.205
Dâu tằm tơ HAGL	Ứng trước mua hàng	3.000.000	-
Nông nghiệp Tây Nguyên	Ứng trước mua hàng	-	70.084.569
		546.894.889	**257.680.881**
Phải thu ngắn hạn khác *(TM số 8)*			
Đại Thắng	Phải thu cổ tức	696.940.000	246.940.000
	Cấn trừ công nợ	-	1.110.006.017
Bột Mì	Cấn trừ công nợ	245.694.312	245.694.312
Nông nghiệp Tây Nguyên	Cấn trừ công nợ	20.408.725	20.408.725
HAG	Cấn trừ công nợ	13.800.000	8.087.884
Phú Quý	Cấn trừ công nợ	-	307.378.800
Khăn Xay	Cấn trừ công nợ	-	175.655.594
Souk Houng	Cấn trừ công nợ	-	9.129.530
		976.843.037	**2.123.300.862**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn *(TM số 11)*			
Khăn Xay	Cho vay	176.976.212	-
	Lãi cho vay	6.698.689	-
		183.674.901	**-**

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Giao dịch*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Phải trả người bán ngắn hạn *(TM số 12)*			
Bao bì Linh Khang	Mua hàng	29.545.798	22.754.769
HAG	Mua hàng	15.448.967	-
Chi nhánh Cơ khí	Mua hàng	402.898	-
Khăn Xay	Mua hàng	-	10.776.170
		45.397.663	**33.530.939**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn *(TM số 13)*			
Cà phê HAGL	Nhận ứng trước mua hàng	416.782.869	19.116.016
Chăn nuôi Gia Lai	Nhận ứng trước mua hàng	212.033.931	62.946.814
Nông nghiệp Tây Nguyên	Nhận ứng trước mua hàng	157.535.271	-
Chi nhánh Cơ khí	Nhận ứng trước mua hàng	12.237.925	13.992.697
		798.589.996	**96.055.527**
Chi phí phải trả ngắn hạn *(TM số 15)*			
Phú Quý	Chi phí lãi vay	12.046.414	10.587.450
HAG	Chi phí khác	6.604	3.350
		12.053.018	**10.590.800**
Chi phí phải trả dài hạn *(TM số 15)*			
HAG	Chi phí lãi vay	63.217.069	47.993.234
Chăn nuôi Gia Lai	Chi phí lãi vay	1.073.914	-
		64.290.983	**47.993.234**
Phải trả ngắn hạn khác *(TM số 16)*			
Phú Quý	Cấn trừ công nợ	143.473.963	98.369.158
HAG	Cấn trừ công nợ	15.272.011	-
Saysettha	Cấn trừ công nợ	12.007.789	11.997.328
		170.753.763	**110.366.486**
Phải trả dài hạn khác *(TM số 16)*			
Trà Bá	Cấn trừ công nợ	143.474.861	146.137.320
Cà phê HAGL	Cấn trừ công nợ	61.146.473	-
HAG	Cấn trừ công nợ	-	860.046.186
		204.621.334	**1.006.183.506**

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

Bên liên quan	*Giao dịch*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Vay dài hạn đến hạn trả *(TM số 17)*			
Phú Quý	Vay	29.421.102	29.421.102
Vay dài hạn *(TM số 17)*			
HAG	Vay	400.000.000	400.000.000
Chăn nuôi Gia Lai	Vay	219.428.300	-
		619.428.300	**400.000.000**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Ngàn VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập (*)*	
		Kỳ này	*Kỳ trước*
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	162.000	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT/Giám đốc	108.000	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên HĐQT	108.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT	108.000	-
Bà Hà Kiết Trân	Thành viên HĐQT *(từ ngày 16 tháng 4 năm 2026)*	54.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT *(đến ngày 16 tháng 4 năm 2026)*	54.000	-
Bà Nguyễn Thị Mơ	Trưởng Ban Kiểm soát	75.600	-
Bà Lê Trương Y Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát	54.000	-
Ông Nguyễn Duy Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát	54.000	-
Bà Lâm Thị Kiều Chinh	Phó Giám đốc	266.961	61.678
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Phó Giám đốc	231.945	53.660
TỔNG CỘNG		**1.276.506**	**115.338**

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

27. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (*TM số 3.1*) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Số đầu kỳ (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Phải thu cho vay ngắn hạn	543.173.022	(543.173.022)	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.394.663.715	(1.266.523.160)	2.128.140.555
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	1.809.696.182	1.809.696.182

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 4 tháng 8 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 337/GCN-UBCK cho Công ty. Theo Giấy chứng nhận này, Công ty được phép thực hiện chào bán 18.800.000 cổ phiếu phổ thông. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc chào bán số cổ phiếu nói trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Trần Bửu Kiều	Nguyễn Đình Tình	Võ Thị Mỹ Hạnh

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn